



VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: 121/2026/VBHN-TT-BXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2026

THÔNG TƯ

Công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Đồng Tháp, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Bến Tre và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp

Thông tư số 03/2022/TT-BGTVT ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Đồng Tháp, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Bến Tre và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2022, được bãi bỏ một phần bởi:

1. Thông tư số 01/2026/TT-BXD ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Tây Ninh, tỉnh Đồng Tháp và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2026;

2. Thông tư số 07/2026/TT-BXD ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận thành phố Cần Thơ, tỉnh Vĩnh Long và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2026.

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Đồng Tháp, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Bến Tre và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp.¹

¹ Thông tư số 01/2026/TT-BXD có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải và các Nghị định sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư công bố vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Tây Ninh, tỉnh Đồng Tháp và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh.”

Thông tư số 07/2026/TT-BXD có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải và các Nghị định sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;

Điều 1. Công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Đồng Tháp, tỉnh Vĩnh Long và tỉnh Bến Tre

Vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Đồng Tháp, tỉnh Vĩnh Long và tỉnh Bến Tre bao gồm các vùng nước sau:

1. Vùng nước cảng biển Đồng Tháp gồm:
 - a) Vùng nước cảng biển tại khu vực thành phố Cao Lãnh;
 - b) Vùng nước cảng biển tại khu vực thành phố Sa Đéc;
 - c) Vùng nước cảng biển tại thượng lưu cầu Mỹ Thuận;
 - d) Vùng nước cảng biển tại khu vực biên giới Vĩnh Xương - Thường Phước.
2. Vùng nước cảng biển Vĩnh Long.
3. Vùng nước cảng biển Bến Tre.

Điều 2. Phạm vi vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Đồng Tháp, tỉnh Vĩnh Long và tỉnh Bến Tre

Phạm vi vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Đồng Tháp, tỉnh Vĩnh Long và tỉnh Bến Tre tính theo mực nước thủy triều lớn nhất được quy định cụ thể như sau:

- 1.² (được bãi bỏ)
- 2.³ (được bãi bỏ)
- 3.⁴ (được bãi bỏ)

4. Ranh giới vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Đồng Tháp quy định tại Thông tư này được xác định trên Hải đồ sông Mekong sản xuất năm 2008 của Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam. Tọa độ các điểm của vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Đồng Tháp quy định trong Thông tư này được áp dụng theo Hệ tọa độ VN-2000 và được chuyển sang các hệ tọa độ khác tương ứng tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Ranh giới vùng nước các cảng biển thuộc địa phận các tỉnh Vĩnh Long và Bến Tre quy định tại Thông tư này được xác định trên Hải đồ số I-300-08 của Hải quân nhân dân Việt Nam xuất bản năm 1978, các Hải đồ số IA-100-23, IA-100-24 của Hải quân nhân dân Việt Nam xuất bản năm 2003 và Hải đồ sông Mekong sản xuất năm 2008 của Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam. Tọa độ các điểm của vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Vĩnh Long và tỉnh Bến Tre quy định trong Thông tư này được áp dụng theo Hệ tọa độ VN-2000 và được chuyển sang các hệ tọa độ khác tương ứng tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư công bố vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận thành phố Cần Thơ, tỉnh Vĩnh Long và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ.”

² Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 6 của Thông tư số 01/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2026.

³ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Thông tư số 07/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2026.

⁴ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Thông tư số 07/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2026.

Điều 3. Vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão, khu nước, vùng nước có liên quan khác

Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức công bố vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão cho tàu thuyền vào, rời các cảng biển thuộc địa phận các tỉnh Đồng Tháp, Vĩnh Long, Bến Tre và khu nước, vùng nước khác theo quy định.

Điều 4. Trách nhiệm của Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp và các bên liên quan

1. Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp có trách nhiệm:

a) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Bộ luật Hàng hải Việt Nam và quy định có liên quan của pháp luật đối với hoạt động hàng hải tại vùng nước các cảng biển thuộc địa phận các tỉnh Đồng Tháp, Vĩnh Long và Bến Tre;

b) Căn cứ vào tình hình thực tế về thời tiết, khí hậu và thông số kỹ thuật của tàu thuyền, chỉ định vị trí cụ thể cho tàu thuyền đón trả hoa tiêu, kiểm dịch, neo đậu, chuyển tải và tránh, trú bão trong vùng nước theo quy định, bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường;

c) Thông báo cho Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu hoặc Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ biết tên, quốc tịch, các thông số kỹ thuật chính và các thông tin cần thiết khác của tàu thuyền vào, rời các cảng biển thuộc địa phận các tỉnh Đồng Tháp, Vĩnh Long và Bến Tre chậm nhất 02 giờ trước khi tàu thuyền đến vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu hoặc vùng nước các cảng biển thuộc địa phận các tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, vùng nước các cảng biển trên sông Hậu thuộc địa phận các tỉnh Hậu Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, thành phố Cần Thơ;

d) Thông báo cho Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu, Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ việc tàu thuyền vào các cảng biển thuộc địa phận các tỉnh Đồng Tháp, Vĩnh Long và Bến Tre nhưng phải neo đậu, tránh bão tại vùng nước cảng biển thuộc địa phận các tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, vùng nước các cảng biển thuộc địa phận Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Long An, Tiền Giang hoặc vùng nước các cảng biển thuộc địa phận các tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, vùng nước các cảng biển trên sông Hậu thuộc địa phận các tỉnh Hậu Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, thành phố Cần Thơ, chậm nhất 02 giờ trước khi tàu thuyền đến vùng nước cảng biển thuộc địa phận các tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, vùng nước các cảng biển thuộc địa phận Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Long An, Tiền Giang hoặc vùng nước các cảng biển thuộc địa phận các tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, vùng nước các cảng biển trên sông Hậu thuộc địa phận các tỉnh Hậu Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, thành phố Cần Thơ.

2. Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu, Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh, Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ có trách nhiệm: căn cứ vào tình hình thực tế về thời tiết, sóng gió, mớn nước và trọng tải của tàu thuyền vào, rời các cảng biển thuộc địa phận các tỉnh Đồng Tháp, Vĩnh Long và Bến Tre, chỉ định vị trí cụ thể cho tàu thuyền đón trả hoa tiêu, kiểm

dịch, neo đậu, tránh bão; chậm nhất 01 giờ kể từ khi nhận được thông báo của Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp phải xác báo cho Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp biết.

Điều 5. Hiệu lực thi hành⁵

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2022.
2. Bãi bỏ Quyết định số 45/2007/QĐ-BGTVT ngày 04 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Đồng Tháp và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng thuộc Bộ, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố: Đồng Tháp, Vĩnh Long, Bến Tre, Bà Rịa - Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp, Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu, Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

⁵ Điều 6 của Thông tư số 01/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2026.
2. Bãi bỏ Thông tư số 18/2020/TT-BGTVT ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Long An, tỉnh Tiền Giang và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Bãi bỏ Thông tư số 02/2022/TT-BGTVT ngày 18 tháng 2 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2020/TT-BGTVT ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Long An, tỉnh Tiền Giang và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Bãi bỏ Thông tư số 57/2015/TT-BGTVT ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu.
5. Bãi bỏ khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2022/TT-BGTVT ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Đồng Tháp, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Bến Tre và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp.
6. Bãi bỏ số thứ tự 17, 19, 20, 21 tại Phụ lục Danh mục khu vực hàng hải thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ hàng hải ban hành kèm theo Thông tư số 32/2019/TT-BGTVT ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố danh mục khu vực hàng hải thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ hàng hải.”

Điều 5 của Thông tư số 07/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2026.
2. Bãi bỏ Thông tư số 04/2016/TT-BGTVT ngày 04 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận các tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, vùng nước các cảng biển trên sông Hậu thuộc địa phận các tỉnh Hậu Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, thành phố Cần Thơ và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ.
3. Bãi bỏ số thứ tự số 22, 23 tại Phụ lục Danh mục hàng hải thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ hàng hải ban hành kèm theo Thông tư số 32/2019/TT-BGTVT ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố Danh mục khu vực hàng hải thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ hàng hải.
4. Bãi bỏ khoản 2 và khoản 3 Điều 2 Thông tư số 03/2022/TT-BGTVT ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Đồng Tháp, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Bến Tre và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp.”

PHỤ LỤC 1

CHUYỂN ĐỔI HỆ TỌA ĐỘ CÁC VỊ TRÍ VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN ĐỒNG THÁP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BGTVT ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Vị trí	Hệ VN - 2000		Hệ WGS - 84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
CL1	10°30'43.8"	105°33'28.1"	10°30'40.2"	105°33'34.6"
CL2	10°30'40.7"	105°33'22.1"	10°30'37.1"	105°33'28.6"
CL3	10°30'22.3"	105°33'31.2"	10°30'18.7"	105°33'37.7"
CL4	10°29'40.6"	105°33'48.5"	10°29'37.0"	105°33'55.0"
CL5	10°29'23.6"	105°33'54.8"	10°29'20.0"	105°34'01.3"
CL6	10°29'27.9"	105°34'06.4"	10°29'24.3"	105°34'12.9"
SĐ1	10°19'23.2"	105°45'15.2"	10°19'19.6"	105°45'21.7"
SĐ2	10°19'28.4"	105°45'26.3"	10°19'24.8"	105°45'32.8"
SĐ3	10°19'17.8"	105°45'31.8"	10°19'14.2"	105°45'38.3"
SĐ4	10°19'05.4"	105°45'38.3"	10°19'01.8"	105°45'44.8"
SĐ5	10°19'02.8"	105°45'39.8"	10°18'59.1"	105°45'46.2"
SĐ6	10°18'56.6"	105°45'27.2"	10°18'52.9"	105°45'33.6"
PS2	10°19'30"	105°45'18"	10°19'26.3"	105°45'24.4"
PS4	10°19'49"	105°45'10"	10°19'45.3"	105°45'16.4"
N1	10°17'56.1"	105°46'12.7"	10°17'52.4"	105°46'19.2"
N2	10°18'21.5"	105°45'55.1"	10°18'17.8"	105°46'01.6"
N3	10°18'39.8"	105°45'44.7"	10°18'36.2"	105°45'51.2"
MTH1	10°16'51.9"	105°53'28.8"	10°16'48.3"	105°53'35.2"
MTH2	10°17'04.9"	105°53'12.9"	10°17'01.3"	105°53'19.3"
MTH3	10°17'16.7"	105°52'59.4"	10°17'13.0"	105°53'05.8"
BG1	10°54'33.9"	105°11'07.3"	10°54'30.2"	105°11'13.7"
BG2	10°54'34.2"	105°11'28.5"	10°54'30.5"	105°11'34.9"

PHỤ LỤC 2

CHUYỂN ĐỔI HỆ TỌA ĐỘ CÁC VỊ TRÍ VÙNG NƯỚC CÁC CẢNG BIỂN VĨNH LONG, BẾN TRE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BGTVT ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Vị trí	Hệ VN - 2000		Hệ WGS - 84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
VL1	10°15'40"	105°56'49"	10°15'36"	105°56'55"
VL2	10°15'34"	105°57'23"	10°15'30"	105°57'29"
BT1	10°09'02"	106°47'23"	10°08'58"	106°47'29"
BT2	9°40'04"	107°00'01"	9°40'00"	107°00'08"
BT3	9°40'04"	106°43'54"	9°40'00"	106°44'00"
BT4	9°47'14"	106°37'02"	9°47'10"	106°37'08"
BT5	9°53'03"	106°41'08"	9°52'59"	106°41'14"
BT6	10°00'44"	106°41'19"	10°00'40"	106°41'25"
TG1	10°10'53"	106°59'54"	10°10'49"	107°00'00"
TG2	10°10'53"	106°47'36"	10°10'49"	106°47'42"
TG4	10°18'18"	106°28'46"	10°18'14"	106°28'52"
TG5	10°18'24"	106°28'45"	10°18'20"	106°28'52"
TG6	10°20'40"	106°21'53"	10°20'36"	106°21'59"
TG7	10°20'32"	106°21'51"	10°20'29"	106°21'58"
CP	10°19'58"	106°21'51"	10°19'54"	106°21'58"
GH	10°17'51"	106°26'45"	10°17'48"	106°26'51"
TH1	10°18'16"	106°27'23"	10°18'13"	106°27'29"
TH2	10°18'14"	106°28'29"	10°18'11"	106°28'36"
HL1	10°12'55"	106°21'03"	10°12'51"	106°21'09"
HL2	10°12'46"	106°21'11"	10°12'42"	106°21'17"
HL3	10°12'36"	106°21'20"	10°12'32"	106°21'26"

BỘ XÂY DỰNG**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT***Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2026***KT. BỘ TRƯỞNG****THỦ TRƯỞNG****Nguyễn Xuân Sang****Nơi nhận:** 

- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cục Thông tin và Truyền thông Chính phủ (để đăng trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ);
- Vụ Pháp chế (để đăng trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng (để đăng tải);
- Lưu: VT, CHHĐTVN.